CÔNG TY CỔ PHẦN X20

***

BÁO CÁO

Kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty

Hà Nội, Năm 2025

TỔNG CỤC HẬU CẦN **CÔNG TY CỔ PHẦN X20**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số : 266/BC-CTCP	*Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025*

BÁO CÁO
Kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty

Kính gửi:

- Tổng cục Hậu cần- Kỹ thuật/Bộ Quốc phòng
- Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng.

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH hướng dẫn thực hiện qui định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước (Thông tư 28);

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ; Quy chế tổ chức hoạt động SX-KD hiện hành của Công ty;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty;

Công ty cổ phần X20 báo cáo kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty như sau:

I. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Công ty cổ phần X20 là doanh nghiệp vốn Nhà nước chiếm giữ trên 51%; hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dệt- may; với đặc thù luôn cần một số lượng lớn công nhân lành nghề. Trong năm qua, trước tình hình kinh tế xã hội, chiến sự Nga- Ucraina, sự cạnh tranh trên thị trường dệt- may; sự dịch chuyển cơ cấu việc làm giữa thành thị, nông thôn, cuộc cách mạng 4.0 đã mở ra nhiều cơ hội xong cũng như nhiều thách thức trong ngành có sử dụng nhiều lao động được đào tạo giản đơn. Do vậy, việc ổn định lao động luôn là một bài toán khó đối với Công ty nói riêng và các Công ty hoạt động trong cùng ngành nghề.

Căn cứ tình hình thị trường, thực lực hiện có; năm 2024 Công ty đã đảm bảo đầy đủ việc làm cho người lao động theo như thoả thuận ban đầu; không có tình trạng người lao động phải nghỉ do thiếu việc làm.

Đảng ủy, HĐQT, Ban quản lý điều hành công ty và các đơn vị luôn xác định công tác tổ chức lực lượng là tất yếu khách quan trong giai đoạn nay, nhằm xây dựng công ty, đơn vị tinh, gọn, mạnh, có chất lượng, sức chiến đấu cao, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Đã quán triệt đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật; nghị quyết, kết luận, đề án, kế hoạch của cấp trên; lãnh đạo, chỉ đạo

xây dựng, tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp lực lượng đáp ứng yêu cầu tinh, gọn, mạnh, có chất lượng, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao, đảm bảo sự hợp lý giữa lao động trực tiếp với lao động quản lý.

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đầy đủ các chính sách, chế đôi đối với người lao động theo quy định; xây dựng bổ sung, sửa đổi hệ thống nội quy, quy chế, quy định, hệ thống thang, bảng lương theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tạo động lực phấn đấu theo kết quả công việc ở tất cả các lĩnh vực; xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình đào tạo phù hợp với Chiến lược phát triển Công ty; các chính sách để kích thích sản xuất, giải quyết hài hòa lợi ích; tạo điều kiện cho công tác tuyển dụng và giữ được lao động có tay nghề, chất lượng; tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm cho cán bộ, nhân viên, người lao động, nhất là đội ngũ cấp ủy, cán bộ chủ trì, chủ chốt các cấp, vai trò của các cơ quan chức năng trong giữ chân, thu hút lực lượng lao động.

Cấp ủy, chỉ huy các cấp đã phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; đã tổ chức rà soát, mô hình tổ chức biên chế, bố trí, sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp; đảm bảo làm việc an toàn. Cơ quan chức năng đã tham mưu đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách; thực hiện tốt công tác tổ chức và lao động; xây dựng, tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp lực lượng đáp ứng yêu cầu tinh, gọn, mạnh, có chất lượng; tổ chức thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ theo quy định và thoả ước lao động tập thể.

Đã thực hiện sát nhập XN may 3 vào XN ĐMQĐ để tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động. Thành lập, tuyển dụng, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và đưa vào hoạt động Chi nhánh miền Trung (Khách sạn Sea Soul), hiện có 84 lao động; đồng thời triển khai, bố trí, sắp xếp lực lượng lao động theo vị trí việc làm; tổ chức phân công, phân nhiệm phù hợp, tạo điều kiện tối đa cho cán bộ, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chú trọng thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng lao động, nhất là đội ngũ kỹ thuật có trình độ tay nghề, các vị trí trọng yếu cơ mật; tiền lương sau tinh giản tiếp tục được cải thiện.

Các chế độ, chính sách được thực hiện theo đúng quy định; 100% NLĐ được tham gia các chế độ bảo hiểm; việc giải quyết nghỉ hưu, cho thôi việc được thực hiện đúng quy định; chế độ chuyển ngạch, nâng các mức lương, trả lương được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai, công bằng đúng quy chế, quy định; toàn Công ty không có tình trạng nợ lương, nợ các khoản BHXH.

Năm 2024, tổng số lao động bình quân sử dụng là 1.968 lao động (công ty mẹ 636 lđ, các công ty con là 1.332 lđ). Trong năm, đã tuyển mới 176 lao động; làm thủ tục chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn, chốt sổ bảo hiểm cho 250 lao động và làm thủ tục hưu cho 29 lao động theo đúng quy trình, quy định; riêng Công ty mẹ đã tuyển dụng 28 lao động, làm thủ tục chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn là 31 lao động, hưu trí 18 lao động; chủ yếu là công nhân sản xuất trực tiếp bổ sung vào chuyền sản xuất.

Tuy nhiên, công tác quản lý, sử dụng lao động năm qua cũng còn tồn tại hạn chế đó là tình trạng lao động giảm sút và điều chỉnh mô hình tổ chức, tinh giản biên chế Xí nghiệp đo may Quân đội còn hạn chế; việc duy trì, chấp hành nội quy, quy chế chưa thật sự nghiêm túc, ý thức chấp hành chưa tốt như công tác vệ sinh, mang mặc BHLĐ, chấp hành thời gian làm việc... Nguyên nhân cơ bản là vai trò tham mưu của cơ quan ở một số đơn vị, trong một số nhiệm vụ hiệu quả chưa cao; vai trò của cán bộ chủ trì trong triển khai nghị quyết của Đảng uỷ có mặt còn hạn chế.

Đánh giá chung năm 2024: Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song toàn Công ty đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để hoàn thành tốt các nhiệm vụ thường xuyên cũng như đột xuất; triển khai nhiều hoạt động thiết thực, phù hợp; việc làm được đảm bảo, thực hiện tốt các chỉ tiêu SXKD; mô hình tổ chức biên chế cơ bản tinh gọn, đáp ứng yêu cầu; đời sống vật chất tinh thần được bảo đảm và cải thiện; tư tưởng CB, NV, NLĐ ổn định, đơn vị đoàn kết thống nhất.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUỸ TIỀN LƯƠNG

Công ty cổ phần X20 đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các chế độ quy định về quản lý lao động, tiền lương, thu nhập theo đúng quy định, hướng dẫn. Công ty đã chỉnh lý một số nội dung thực hiện cho phù hợp với tổ chức biên chế và tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị;

Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý như: thành viên HĐQT, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát; được thanh toán, chi trả theo đúng quy định tại Thông tư 28; hàng tháng tạm ứng 80% mức lương cơ bản; cuối năm căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận để thanh quyết toán theo quy định.

Tiền lương, tiền thưởng trả cho người lao động được tuân thủ theo nguyên tắc phân phối theo lao động; làm công việc gì, giữ chức vụ gì thì được trả lương theo công việc, chức danh đó. Tiền lương trả cho tập thể hay cá nhân người lao động được căn cứ vào năng suất, chất lượng, hiệu quả, đảm bảo an toàn lao động và mức độ đóng góp của tập thể hay cá nhân người lao động. Tiền lương trả cho người lao động phụ thuộc vào đơn giá tiền lương, năng suất lao động, mức độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận thực hiện và các khoản trích nộp theo quy định trong năm kế hoạch. Việc trả lương, thưởng cho người lao động được thực hiện dân chủ, công khai. Không dùng quỹ tiền lương để sử dụng vào các mục đích khác. Toàn bộ tiền lương của người lao động được thể hiện đầy đủ vào sổ lương của đơn vị theo quy định.

Đối với công nhân sản xuất được trả lương sản phẩm trực tiếp theo số lượng sản phẩm hoàn thành của cá nhân và đơn giá; đối với lao động quản lý, phục vụ, được trả lương theo hệ số chức danh và ngày công làm việc thực tế, gắn với quỹ lương sản phẩm thực hiện hàng tháng.

Để đảm bảo ổn định đời sống cho CB-CNV trước tình hình giá cả thị trường luôn biến động; trong năm qua, Công ty đã có nhiều chủ trương, biện pháp để thúc đẩy tăng năng suất lao động, tăng thu nhập; điều chỉnh hình thức trả lương

linh hoạt nhằm tạo động lực thúc đẩy; tiếp tục thực hiện các hình thức khuyến khích như: thưởng lương sản phẩm tạo ra cho công nhân trực tiếp sản xuất có thu nhập cao; hỗ trợ, bổ sung lương trong thời gian sản xuất cao điểm và nhân các ngày lễ lớn trong năm.

Đã hướng dẫn, triển khai thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động đúng quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm, 100% người lao động được ký hợp đồng lao động; giải quyết nghỉ hưu, thôi việc được thực hiện đúng quy định; thực hiện chuyển ngạch, nâng các mức lương cho người lao động theo đúng quy chế, quy định của Công ty; các chế độ BHXH, BHYT, BHTN được đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, dân chủ, công khai, công bằng và đúng quy định không để thắc mắc, khiếu nại trong cơ quan, đơn vị. Toàn Công ty không để sảy ra tình trạng nợ lương, nợ BH.

Đã điều chỉnh tăng các mức lương theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng; thực hiện chuyển xếp lương và ký kết phụ lục HĐLĐ theo thang bảng lương mới.

III. QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG NĂM 2024

1. Các chỉ tiêu kế hoạch

a) Hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu	Tr.đ	930,00	1.304,39	140,26
2	Lợi nhuận	Tr.đ	25,30	57,06	225,53
3	Năng suất LĐ	Tr.đ	123,8	165,12	133,38
4	Thu nhập BQ	đồng	10.187.000	11.873.924	116,56

b) Riêng Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu	Tr.đ	835,20	1.216,48	145,63
2	Lợi nhuận	Tr.đ	14,05	49,47	352,10
4	Năng suất LĐ	Tr.đ	145,96	242,63	166,23
5	Thu nhập BQ	đồng	10.620.000	13.891.757	130,81

2. Quĩ tiền lương, tiền thưởng của người lao động

Năm 2024 Công ty và công ty mẹ là đơn vị có năng suất lao động bình quân tăng so với kế hoạch (công ty = 133,38% so với kế hoạch; riêng công ty mẹ bằng 166,23% so với kế hoạch)- Năng suất lao động bình quân = Tổng doanh thu - tổng chi phí chưa có lương/lao động bình quân. Lợi nhuận toàn công ty (hợp nhất) thực hiện bằng 225,53% so với kế hoạch, riêng Công ty mẹ = 352,1% so với kế hoạch.

Căn cứ quy định; quỹ lương của người lao động được tính theo đơn giá tiền lương gắn với mức tăng năng suất lao động.

Toàn công ty là 254,08 tỷ đồng, thu nhập bình quân là 11,87 tr. đ/người/tháng. Riêng người lao động trong công ty mẹ là 92,89 tỷ đồng; thu nhập bình quân từ lương = 13,56 tr. đ/người/tháng.

3. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Công ty

Căn cứ Thông tư 28, người quản lý chuyên trách Công ty gồm: thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc; kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát;

a) Số người quản lý

Tổng số 09 đ/c; trong đó: chuyên trách: 06 đ/c, không chuyên trách: 03 đ/c.

Người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước là 04 đ/c (Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc và 02 Phó tổng giám đốc).

Người quản lý chuyên trách không phải là người đại diện phần vốn nhà nước gồm 02 đ/c (phó tổng giám đốc và kế toán trưởng).

b) Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách

Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách đại diện vốn Nhà nước, Công ty xác định là 36 triệu đồng/tháng (đơn vị có lợi nhuận dưới 50 tỷ đồng).

Năm 2024 Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; lợi nhuận hợp nhất thực hiện bằng 225,53% so với kế hoạch; căn cứ khoản b điểm 2 điều 15 Thông tư 28, quỹ tiền lương và tiền lương tăng thêm của người quản lý:

Tổng quỹ tiền lương của NQL chuyên trách = 36 x 6 x 12 + 36 x 6 x12 x 20% = 3.110,4 triệu đồng (1)

Trong đó:

+ Của người quản lý chuyên trách là đại diện phần vốn nhà nước được phân bổ theo hệ số chức danh là 2.200,67 triệu đồng; tổng tiền lương BQ là: 45,85 tr.đ/người/tháng.

+ Của người quản lý chuyên trách không là đại diện phần vốn nhà nước được phân bổ theo hệ số chức danh là 909,73 triệu đồng; tổng tiền lương BQ là: 37,91 tr.đ/người/tháng.

c) Thù lao của thành viên không chuyên trách

Gồm 03 thành viên;

Quỹ thù lao của thành viên không chuyên trách = 99,5 tr.đ/năm (2)

Tiền thù lao bình quân = 2,76 tr.đ/người/tháng

d) Tiền thưởng của người quản lý

Căn cứ quy định, năm 2024 lợi nhuận toàn công ty (hợp nhất) thực hiện bằng 225,26% so với kế hoạch, riêng công ty mẹ = 352,1% so với kế hoạch; quỹ thưởng của người quản lý được xác định bằng 1,5 tháng lương của người quản lý chuyên trách.

Quỹ thưởng người quản lý = Quỹ lương thực hiện của người quản lý chuyên trách x 1,5 = 388,8 tr.đ/năm (3)

Tiền thưởng bình quân của người quản lý = 3,6 tr.đ/người/tháng.

Tổng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng người quản lý = (1)+(2)+(3)= 3.110,4 + 99,5 + 388,8 = 3.598,7 tr.đ

Thu nhập BQ người quản lý: 33,32 tr. đ/người/tháng.

Trong đó: + Từ quỹ lương: 28,8 tr. đ/người/tháng.

+ Thù lao và thưởng: 4,52 tr. đ/người/tháng.

4. Thu nhập BQ năm 2024

Tổng thu nhập toàn công ty: 280,41 tỷ đồng (tính tròn).

Tổng số lao động BQ: 1.968 lao động.

Thu nhập BQ: 11.873.924 đồng/người/tháng.

Riêng Công ty mẹ:

- Tổng thu nhập: 106,02 tỷ đồng (tính tròn).
- Tổng số lao động BQ: 636 lao động.
- Thu nhập BQ: 13.891.757 đồng/người/tháng.

Trong đó:

+ TN BQ người quản lý: 33,32 tr. đồng/người/tháng.

+ TN BQ của CB-CNV: 13,56 tr. đồng/người/tháng.

Trong đó: + Từ quỹ lương: 12.578.291 đồng/người/tháng.

+ Từ ăn ca, thu nhập khác: 1.313.647 đồng.

- Người có thu nhập cao nhất = 60.916.948 đồng/người/tháng.
- Người có thu nhập thấp nhất = 10.858.198 đồng/người/tháng.

IV. KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu kế hoạch

a) Hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % KH/TH
1	Doanh thu	Tr.đ	1.304,39	1.050,00	80,50
2	Lợi nhuận	Tr.đ	57,06	27,83	48,77
3	Năng suất LĐ	Tr.đ	165,12	137,04	82,99
4	Thu nhập BQ	đồng	11.873.924	11.300.000	95,17

b) Riêng Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % KH/TH
1	Doanh thu	Tr.đ	1.216,48	872,56	71,73
2	Lợi nhuận	Tr.đ	49,47	18,80	38,00
3	Năng suất LĐ	Tr.đ	242,63	166,68	68,70
4	Thu nhập BQ	đồng	13.891.757	12.060.000	86,81

2. Quản lý sử dụng lao động

Tiền thù lao bình quân = 3.833.333 đ/người/tháng

c) Quỹ thưởng của người quản lý

Được xác định không quá 1,5 tháng tiền lương thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách.

(có phụ lục kèm theo)

Trên đây là báo cáo kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần X20./.

Nơi nhận:
- Như trên (để b/c);
- Bộ TM/TCHC-KT (để bc);
- Lưu: VT, CTHC. Đ09.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chu Văn Đệ

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch, định hướng phát triển công ty, tình hình thực tế sử dụng thời gian làm việc năm trước; để phù hợp tình hình, quy định công ty xác định tổng số lao động sử dụng bình quân là 2.100 lao động.

Việc tuyển, sử dụng lao động công ty tiếp tục thực hiện trên cơ sở mô hình tổ chức biên chế, tổ chức sản xuất, yêu cầu sản xuất kinh doanh, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, nội quy, quy chế và Điều lệ doanh nghiệp.

2. Quĩ tiền lương, tiền thưởng của người lao động

Năng suất lao động bình quân năm 2025 công ty dự kiến đat 137,04 triệu đồng/người; riêng công ty mẹ dự kiến đạt 166,68 triệu đồng/người. So với thực hiện 2024 = 82,99%, riêng công ty mẹ 68,7%; năng suất lao động bình quân = (tổng doanh thu- tổng chi phí chưa có lương)/tổng số lao động bình quân.

Lợi nhuận kế hoạch công ty năm 2025 xác định = 27,83 tỷ đồng = 48,77% so với thực hiện 2024; riêng công ty mẹ= 18,8 tỷ đồng = 38,0% so với 2024.

Căn cứ khoản 3 điều 8 Thông tư 28; năm 2025 Công ty xác định mức thu nhập bình quân là 11.300.000 đ/người = 95,17% so với thực hiện năm 2024; riêng công ty mẹ xác định = 12.060.000 đ/người = 86,81% so với thực hiện năm 2024.

Tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 được xác định trên số lao động bình quân kế hoạch.

3. Quĩ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Công ty

a) Quỹ lương của người quản lý Công ty

Số người quản lý Công ty gồm: thành viên chuyên trách HĐQT, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng; kế hoạch năm 2025 chưa tăng số thành viên và các chuyên gia trong công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính; Lợi nhuận kế hoạch toàn công ty xác định = 27,83 tỷ đồng/57,06 = 48,77% với thực hiện 2024.

Căn cứ điều 13, điều 14 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH; Công ty tiếp tục xác định quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn Nhà nước năm 2025 = 36.000.000 đ/người và phân bổ theo hệ số chức danh do công ty xây dựng; tiền lương của người quản lý chuyên trách không là đại diện vốn Nhà nước được bảo đảm hợp lý theo người quản lý chuyên trách là đại diện vốn Nhà nước.

Tiền lương tăng/giảm được xác định trên chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và lợi nhuận thực hiện; tổng quỹ tiền lương năm được xác định trên số người quản lý Công ty.

b) Thù lao của người quản lý

Gồm 03 thành viên;

Quỹ thù lao của thành viên không chuyên trách = 138 tr.đ/năm (2)

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước: BỘ QUỐC PHÒNG **Biểu mẫu số 1**

Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty: Đ/c Vũ Văn Nhất (từ tháng 01-06/2023); Đ/c Hoàng Sỹ Tâm; Đ/c Hà Chí Khoa; Đ/c Chu Văn Đệ; Đ/c Lê Văn Nghĩa.

TỔNG HỢP BÁO CÁO CỦA CÔNG TY (Công ty mẹ)
VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 266/BC-CTCP ngày 10/4/2025 của Công ty)

Đơn vị tính: Người

Số tt	Tổng số lao động	Tình hình sử dụng lao động năm trước							Kế hoạch sử dụng lao động năm 2025			
		Tổng số lao động kế hoạch	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12/2024	Trong đó			Tổng số lao động sử dụng bình quân	Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động kế hoạch	Trong đó		Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu
				Số từ năm trước chuyển sang	Số phải đào tạo lại trong năm	Số tuyển mới trong năm				Số lao động năm trước chuyển sang	Số lao động tuyển dụng mới	
1	2		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Người quản lý	8	8	8			8		8	8		
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	18	18	18			18		18	18		
3	Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh	473	503	453	90	25	479	42	632	503	169	49
4	Lao động thừa hành, phục vụ	131	131	131		3	131	7	131	131	10	1
Tổng cộng		630	660	610	90	28	636	49	789	660	179	50

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Ngọc Đạo

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chu Văn Đệ

Biểu mẫu số 2

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước: BỘ QUỐC PHÒNG

Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty: Đ/c Chu Văn Đệ, Đ/c Hoàng Sỹ Tâm, Đ/c Hà Chí Khoa, Đ/c Lê Văn Nghĩa

TỔNG HỢP BÁO CÁO VỀ XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG (Công ty mẹ)

(Kèm theo Báo cáo số 266/BC-CTCP ngày 10/4/2025 của Công ty)

Số tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	**CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH**				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	triệu đv sp	13,32	18,54	14,92
2	Tổng doanh thu	Tỷ.đồng	835,20	1.216,48	872,56
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tỷ.đồng	744,56	1.063,62	748,43
4	Lợi nhuận	Tỷ.đồng	14,05	49,47	18,80
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tỷ.đồng	13,33	40,98	17,84
6	Hệ số bảo toàn phát triển vốn		100	100	100
7	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	tỷ.đồng	20,03	43,09	24,76
II	**TIỀN LƯƠNG**				
1	Lao động kế hoạch	Người	621		789
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		630	
3	Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động	đ/tháng	6.700.000	6.705.000	6.800.000
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	đ/tháng	9.900.000		9.900.000
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	đ/tháng		12.286.655	
6	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Tr.đồng/năm	145,96		157,32
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Tr.đồng/năm		242,632	
8	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tỷ.đồng	73,8		93,7
9	Quỹ tiền lương thực hiện	Tỷ.đồng		92,89	
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ.đồng	7,50	14,86	6,50
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tỷ.đồng	5,33	6,07	5,10
12	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân)	Tr.đồng/năm	10,62	13,56	12,06

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Ngọc Đạo

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chu Văn Đệ

Biểu mẫu số 3

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước: BỘ QUỐC PHÒNG

Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty: Đ/c Chu Văn Đệ, Đ/c Hoàng Sỹ Tâm, Đ/c Hà Chí Khoa, Đ/c Lê Văn Nghĩa.

TỔNG HỢP BÁO CÁO CỦA CÔNG TY VỀ XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ (Công ty mẹ)

(Kèm theo Báo cáo số 266/BC-CTCP ngày 10/4/2025 của Công ty)

Số tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện	
I	**Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh**				
1	Tổng số vốn chủ sở hữu *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	250,92	250,92	250,92
2	Tổng sản phẩm kể cả quy đổi *(hợp nhất)*	triệu đv sp	13,32	18,54	14,92
3	Tổng doanh thu *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	930,00	1.304,39	1.050,00
4	Tổng chi phí chưa có lương *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	652,45	980,75	762,22
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	40,27	62,19	47,25
6	Lợi nhuận *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	25,30	57,06	27,83
7	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	19,02	45,42	21,12
8	Hệ số bảo toàn phát triển vốn *(hợp nhất)*		100,00	100,00	100,00
9	Năng suất lao động bình quân kế hoạch *(hợp nhất)*	Trđ/năm	123,80		137,56
10	Năng suất lao động bình quân thực hiện *(hợp nhất)*	Trđ/năm		165,12	
II	**Tiền lương của người quản lý chuyên trách**				
1	Đối với người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn nhà nước				
-	Số người	Người	5,00	4,00	5,00
-	Mức lương cơ bản để tính tiền lương	Tr.đồng/th	36,00	36,00	36,00
-	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương so với mức lương cơ bản				
-	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/th	38,47	38,21	38,17
-	Tiền lương tăng thêm do lợi nhuận thực hiện vượt so với kế hoạch (áp dụng đối với xác định tiền lương thực hiện)	Tr.đồng		518,40	
2	Đối với người quản lý chuyên trách không phải là người đại diện phần vốn nhà nước				
-	Số người	Người	2,00	2,00	2,00
-	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/th	29,82	31,59	31,66

Số tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện	
3	Tổng quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	Tr.đồng	3.024,00	3.110,40	2.592,00
III	**Thù lao của người quản lý không chuyên trách**				
1	Số người quản lý không chuyên trách (tính bình quân)	Người	2,00	3,00	3,00
2	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/th	3,00	2,76	3,83
3	Quỹ thù lao	Tr.đồng	72,00	99,50	138,00
IV	**Tiền thưởng, thu nhập**				
1	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	378,00	388,80	324,00
2	Mức thu nhập bình quân của người quản lý chuyên trách (2)	Tr.đồng/th	38,47	51,28	38,17
3	Mức thu nhập bình quân của người quản lý không chuyên trách (3)	Tr.đồng/th	29,82	42,40	31,66

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Ngọc Đạo

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chu Văn Đệ

Biểu mẫu số 4

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước: BỘ QUỐC PHÒNG

Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty: Đ/c Chu Văn Đệ, Đ/c Hoàng Sỹ Tâm, Đ/c Hà Chí Khoa, Đ/c Lê Văn Nghĩa.

BÁO CÁO XIN Ý KIẾN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN NHÀ NƯỚC MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG TẠI CÔNG TY CP X20 (Công ty mẹ)

(Kèm theo Báo cáo số 266/BC-CTCP ngày 10/4/2025 của Công ty)

Stt	Nội dung	Đvt	Phương án của Công ty		Đề xuất của người đại diện phần vốn nhà nước		
			Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2025	Căn cứ đề xuất (1)
1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Lao động**						
	Tổng số lao động, trong đó:	Người	636	789	636	789	
-	Người quản lý	Người	8	8	8	8	
-	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	Người	18	18	18	18	
-	Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh	Người	479	632	479	632	
-	Lao động thừa hành, phục vụ	Người	131	131	131	131	
II	**Tiền lương của người lao động**						
1	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	92,89	93,73	92,89	93,73	
2	Số lao động để tính quỹ tiền lương	Người	628	781	628	781	
3	Tiền lương bình quân	Tr.đ/tháng	12.325,78	10.001,41	12.325,78	10.001,41	
4	Yếu tố khách quan khi xác định tiền lương						
-	Phần lợi nhuận tăng/giảm do yếu tố khách quan	Triệu đồng					
-	Phần năng suất lao động tăng/giảm do yếu tố khách quan	Triệu đồng					
III	**Tiền lương của người quản lý chuyên trách**						
1	***Tiền lương của người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn nhà nước***						
-	Số người	Người	5	5	5	5	
-	Mức lương cơ bản để tính tiền lương	Tr.đ/tháng	36,00	36,00	36,00	36,00	
-	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương						

Stt	Nội dung	Đvt	Phương án của Công ty		Đề xuất của người đại diện phần vốn nhà nước		
			Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2025	Căn cứ đề xuất (1)
-	Tiền lương bình quân	Tr.đ/tháng	38,21	38,17	38,21	38,17	
	Tiền lương tăng thêm do lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch (áp dụng đối với xác định tiền lương thực hiện)	Triệu đồng					
2	***Tiền lương của người quản lý chuyên trách không phải là người đại diện phần vốn nhà nước***						
-	Số người	Người	2	2	2	2	
-	Tiền lương bình quân	Tr.đ/tháng	31,59	31,66	31,59	31,66	
3	***Tổng quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách***	Triệu đồng	3.110,40	2.592,00	3.110,40	2.592,00	
IV	**Thù lao của người quản lý không chuyên trách**						
1	Số người	Người	3	3	3	3	
2	Mức thù lao bình quân	Tr.đ/tháng	2,8	3,8	2,8	3,8	
3	Quỹ thù lao	Triệu đồng	99,5	138,0	99,5	138,0	
V	**Quỹ tiền thưởng, phúc lợi**						
1	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi của người lao động	Tỷ đồng	14,86	6,50	14,86	6,50	
-	Quỹ khen, thưởng	Triệu đồng	7,43	3,25	7,43	3,25	
-	Quỹ phúc lợi	Triệu đồng	7,43	3,25	7,43	3,25	
2	Quỹ tiền thưởng của người quản lý	Triệu đồng	388,80	324,00	388,80	324,00	
VI	**Một số nội dung khác**						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Ngọc Đạo

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN X 20

Chu Văn Đệ

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước: BỘ QUỐC PHÒNG **Biểu mẫu số 1**

Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty: Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty: Đ/c Chu Văn Đệ, Đ/c Hoàng Sỹ Tâm, Đ/c Hà Chí Khoa, Đ/c Lê Văn Nghĩa.

TỔNG HỢP BÁO CÁO CỦA CÔNG TY
VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 266/BC-CTCP ngày 10/4/2025 của Công ty)

Đơn vị tính: Người

Số tt	Tổng số lao động	Tình hình sử dụng lao động năm trước							Kế hoạch sử dụng lao động năm 2025			
		Tổng số lao động kế hoạch	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12/2024	Trong đó			Tổng số lao động sử dụng bình quân	Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động kế hoạch	Trong đó		Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu
				Số từ năm trước chuyển sang	Số phải đào tạo lại trong năm	Số tuyển mới trong năm				Số lao động năm trước chuyển sang	Số lao động tuyển dụng mới	
1	2		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Người quản lý	8	8	8			8		8	8		
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	18	18	18			18		18	18		
3	Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh	1.859	1.540	1.660	190	171	1.586	245	1.718	1.540	318	149
4	Lao động thừa hành, phục vụ	365	356	356		5	356	5	356	356	10	1
Tổng cộng		2.250	1.922	2.042	190	176	1.968	250	2.100	1.922	328	150

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Ngọc Đạo

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chu Văn Đệ

Biểu mẫu số 2

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước: BỘ QUỐC PHÒNG

Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty: Đ/c Chu Văn Đệ, Đ/c Hoàng Sỹ Tâm, Đ/c Hà Chí Khoa, Đ/c Lê Văn Nghĩa

TỔNG HỢP BÁO CÁO VỀ XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Kèm theo Báo cáo số 266/BC-CTCP ngày 10/4/2025 của Công ty)

Số tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	**CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH**				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	triệu đv sp	13,32	18,54	14,92
2	Tổng doanh thu	Tỷ.đồng	930,00	1.304,39	1050,00
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tỷ.đồng	652,45	980,75	762,21
4	Lợi nhuận	Tỷ.đồng	25,30	57,06	27,83
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tỷ.đồng	19,02	45,42	21,12
6	Hệ số bảo toàn phát triển vốn		100	100	100
7	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	tỷ.đồng	40,27	62,19	47,25
II	**TIỀN LƯƠNG**				
1	Lao động kế hoạch	Người	2.242		2.092
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		1.960	
3	Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động	đ/tháng	6.700.000	6.705.000	6.800.000
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	đ/tháng	9.055.023		9.890.000
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	đ/tháng		10.802.659	
6	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Tr.đồng/năm	123,79		137,57
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Tr.đồng/năm		165,121	
8	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tỷ.đồng	243,6		246,5
9	Quỹ tiền lương thực hiện	Tỷ.đồng		254,08	
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ.đồng	7,50	14,86	6,50
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tỷ.đồng	5,33	6,07	5,10
12	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân)	Tr.đồng/năm	10,19	11,87	11,30

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Ngọc Đạo

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chu Văn Đệ

Biểu mẫu số 3

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước: BỘ QUỐC PHÒNG

Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty: Đ/c Chu Văn Đệ, Đ/c Hoàng Sỹ Tâm, Đ/c Hà Chí Khoa, Đ/c Lê Văn Nghĩa.

TỔNG HỢP BÁO CÁO CỦA CÔNG TY VỀ XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số 266/BC-CTCP ngày 10/4/2025 của Công ty)

Số tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện	
I	**Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh**				
1	Tổng số vốn chủ sở hữu *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	250,92	250,92	250,92
2	Tổng sản phẩm kể cả quy đổi *(hợp nhất)*	triệu đv sp	13,32	18,54	14,92
3	Tổng doanh thu *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	930,00	1.304,39	1.050,00
4	Tổng chi phí chưa có lương *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	652,45	980,75	762,22
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	40,27	62,19	47,25
6	Lợi nhuận *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	25,30	57,06	27,83
7	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn *(hợp nhất)*	Tỷ đồng	19,02	45,42	21,12
8	Hệ số bảo toàn phát triển vốn *(hợp nhất)*		100,00	100,00	100,00
9	Năng suất lao động bình quân kế hoạch *(hợp nhất)*	Trđ/năm	123,80		137,56
10	Năng suất lao động bình quân thực hiện *(hợp nhất)*	Trđ/năm		165,12	
II	**Tiền lương của người quản lý chuyên trách**				
1	Đối với người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn nhà nước				
-	Số người	Người	5,00	4,00	5,00
-	Mức lương cơ bản để tính tiền lương	Tr.đồng/th	36,00	36,00	36,00
-	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương so với mức lương cơ bản				
-	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/th	38,47	38,21	38,17
-	Tiền lương tăng thêm do lợi nhuận thực hiện vượt so với kế hoạch (áp dụng đối với xác định tiền lương thực hiện)	Tr.đồng		518,40	
2	Đối với người quản lý chuyên trách không phải là người đại diện phần vốn nhà nước				
-	Số người	Người	2,00	2,00	2,00
-	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/th	29,82	31,59	31,66

Số tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện	
3	Tổng quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	Tr.đồng	3.024,00	3.110,40	2.592,00
III	**Thù lao của người quản lý không chuyên trách**				
1	Số người quản lý không chuyên trách (tính bình quân)	Người	2,00	3,00	3,00
2	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/th	3,00	2,76	3,83
3	Quỹ thù lao	Tr.đồng	72,00	99,50	138,00
IV	**Tiền thưởng, thu nhập**				
1	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	378,00	388,80	324,00
2	Mức thu nhập bình quân của người quản lý chuyên trách (2)	Tr.đồng/th	38,47	51,28	38,17
3	Mức thu nhập bình quân của người quản lý không chuyên trách (3)	Tr.đồng/th	29,82	42,40	31,66

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Ngọc Đạo

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chu Văn Đệ

Biểu mẫu số 4

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước: BỘ QUỐC PHÒNG

Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty: Đ/c Chu Văn Đệ, Đ/c Hoàng Sỹ Tâm, Đ/c Hà Chí Khoa, Đ/c Lê Văn Nghĩa.

BÁO CÁO XIN Ý KIẾN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN NHÀ NƯỚC MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG TẠI CÔNG TY CP X20

(Kèm theo Báo cáo số 266/BC-CTCP ngày 10/4/2025 của Công ty)

Stt	Nội dung	Đvt	Phương án của Công ty		Đề xuất của người đại diện phần vốn nhà nước		
			Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2025	Căn cứ đề xuất (1)
1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Lao động**						
	Tổng số lao động, trong đó:	Người	1.968	2.100	1.968	2.100	
-	Người quản lý	Người	8	8	8	8	
-	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	Người	18	18	18	18	
-	Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh	Người	1.586	1.718	1.586	1.718	
-	Lao động thừa hành, phục vụ	Người	356	356	356	356	
II	**Tiền lương của người lao động**						
1	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	254,08	246,50	254,08	246,50	
2	Số lao động để tính quỹ tiền lương	Người	1.960	2.092	1.960	2.092	
3	Tiền lương bình quân	Tr.đ/tháng	10.802,66	9.819,07	10.802,66	9.819,07	
4	Yếu tố khách quan khi xác định tiền lương						
-	Phần lợi nhuận tăng/giảm do yếu tố khách quan	Triệu đồng					
-	Phần năng suất lao động tăng/giảm do yếu tố khách quan	Triệu đồng					
III	**Tiền lương của người quản lý chuyên trách**						
1	***Tiền lương của người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn nhà nước***						
-	Số người	Người	5	5	5	5	
-	Mức lương cơ bản để tính tiền lương	Tr.đ/tháng	36,00	36,00	36,00	36,00	
-	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương						

Stt	Nội dung	Đvt	Phương án của Công ty		Đề xuất của người đại diện phần vốn nhà nước		
			Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2025	Căn cứ đề xuất (1)
-	Tiền lương bình quân	Tr.đ/tháng	38,21	38,17	38,21	38,17	
	Tiền lương tăng thêm do lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch (áp dụng đối với xác định tiền lương thực hiện)	Triệu đồng					
2	***Tiền lương của người quản lý chuyên trách không phải là người đại diện phần vốn nhà nước***						
-	Số người	Người	2	2	2	2	
-	Tiền lương bình quân	Tr.đ/tháng	31,59	31,66	31,59	31,66	
3	***Tổng quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách***	Triệu đồng	3.110,40	2.592,00	3.110,40	2.592,00	
IV	**Thù lao của người quản lý không chuyên trách**						
1	Số người	Người	3	3	3	3	
2	Mức thù lao bình quân	Tr.đ/tháng	2,8	3,8	2,8	3,8	
3	Quỹ thù lao	Triệu đồng	99,5	138,0	99,5	138,0	
V	**Quỹ tiền thưởng, phúc lợi**						
1	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi của người lao động	Tỷ đồng	14,86	6,50	14,86	6,50	
-	Quỹ khen, thưởng	Triệu đồng	7,43	3,25	7,43	3,25	
-	Quỹ phúc lợi	Triệu đồng	7,43	3,25	7,43	3,25	
2	Quỹ tiền thưởng của người quản lý	Triệu đồng	388,80	324,00	388,80	324,00	
VI	**Một số nội dung khác**						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Ngọc Đạo

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Mẫu số 03 - BCKT

PHÂN TÍCH LƯƠNG VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024										
			Hợp nhất	Công ty mẹ	Văn phòng	Chi nhánh Miền Trung	XN ĐMQĐ	Trường Mầm non	XN Thương mại	CT TNHH MTV X20 Nghệ An	CT TNHH MTV X20 Thái Nguyên	CT TNHH MTV X20 Nam Định	CT TNHH MTV X20 Thanh Hóa
I	**Tiền lương và thu nhập bình quân**												
1	**Tổng quân số đến ngày 31/12/2024**	**2.043**	**1.922**	**664**	**68**	**78**	**471**	**27**	**20**	**287**	**507**	**221**	**243**
	- Biên chế (quân nhân, CNVQP)	4	4	4	4								
	- Hợp đồng lao động	2.039	1.918	660	64	78	471	27	20	287	507	221	243
	Trong đó:												
	- Quân số người quản lý	9	6	6	6								
	- Quân số kiểm soát viên												
2	**Quân số bình quân**	**2.075**	**1.968**	**636**	**58**	**48**	**480**	**28**	**22**	**300**	**561**	**221**	**250**
	- Biên chế (quân nhân, CNVQP)	4	4	4	4								
	- Hợp đồng lao động	2.068	1.962	632	54	48	480	28	22	300	561	221	250
	Trong đó:												
	- Quân số người quản lý	7	6	6	6	0							
	- Quân số kiểm soát viên												
	Cộng	**254.693.558.967**	**280.414.587.396**	**106.021.892.667**	**17.301.633.691**	**6.375.718.058**	**75.504.564.135**	**3.537.980.838**	**3.301.995.945**	**36.995.438.241**	**64.342.486.357**	**37.598.939.931**	**35.455.830.200**
3	**Tổng quỹ tiền lương**	**231.885.724.030**	**257.188.942.813**	**95.997.513.829**	**14.131.962.625**	**5.963.637.058**	**69.562.986.913**	**3.378.229.238**	**2.960.697.995**	**33.924.297.941**	**60.142.933.057**	**34.424.699.033**	**32.699.498.953**
	- Ngân sách bảo đảm												
	- Người lao động	228.806.055.099	254.078.542.813	92.887.113.829	11.021.562.625	5.963.637.058	69.562.986.913	3.378.229.238	2.960.697.995	33.924.297.941	60.142.933.057	34.424.699.033	32.699.498.953
	- Người quản lý	3.079.668.931	3.110.400.000	3.110.400.000	3.110.400.000								
	- Kiểm soát viên												
4	**Các khoản thu nhập khác**	**22.807.834.937**	**23.225.644.583**	**10.024.378.838**	**3.169.671.066**	**412.081.000**	**5.941.577.222**	**159.751.600**	**341.297.950**	**3.071.140.300**	**4.199.553.300**	**3.174.240.898**	**2.756.331.247**
	- Ngân sách bảo đảm												
	- Người lao động	22.342.508.321	22.790.657.583	9.589.391.838	2.734.684.066	412.081.000	5.941.577.222	159.751.600	341.297.950	3.071.140.300	4.199.553.300	3.174.240.898	2.756.331.247
	- Người quản lý	465.326.616	434.987.000	434.987.000	434.987.000								
	- Kiểm soát viên												
5	**Thu nhập bình quân**	**10.231.122**	**11.873.924**	**13.891.757**	**24.858.669**	**11.068.955**	**13.108.431**	**10.529.705**	**12.507.560**	**10.276.511**	**9.557.707**	**14.177.579**	**11.818.610**
	- Thu nhập theo đối tượng												
	+ Người lao động	*10.120.429*	*11.759.650*	*13.555.093*	*22.045.267*	*11.068.955*	*13.108.431*	*10.529.705*	*12.507.560*	*10.276.511*	*9.557.707*	*14.177.579*	*11.818.610*
	+ Người quản lý	*45.448.661*	*49.241.486*	*49.241.486*	*49.241.486*								
	+ Kiểm soát viên												
	- Thu nhập từ lương	9.314.924	10.890.453	12.578.291	20.304.544	10.353.537	12.076.907	10.054.254	11.214.765	9.423.416	8.933.888	12.980.656	10.899.833
	+ Người lao động	*9.220.102*	*10.791.647*	*12.286.655*	*17.662.761*	*10.353.537*	*12.076.907*	*10.054.254*	*11.214.765*	*9.423.416*	*8.933.888*	*12.980.656*	*10.899.833*
	+ Người quản lý	*39.482.935*	*43.200.000*	*43.200.000*	*43.200.000*								
	+ Kiểm soát viên												
	- Các khoản thu nhập khác	916.198	983.471	1.313.467	4.554.125	715.418	1.031.524	475.451	1.292.795	853.095	623.820	1.196.923	918.777
	+ Người lao động	*900.327*	*968.003*	*1.268.438*	*4.382.507*	*715.418*	*1.031.524*	*475.451*	*1.292.795*	*853.095*	*623.820*	*1.196.923*	*918.777*
	+ Người quản lý	*5.965.726*	*6.041.486*	*6.041.486*	*6.041.486*								
	+ Kiểm soát viên												

Ghi chú: Chi nhánh Miền Trung khai trương, đi vào hoạt động từ 22/6/2024.

TỔNG CỤC HẬU CẦN
CÔNG TY CỔ PHẦN X20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc
Thanh Xuân, ngày 20 tháng 01 năm 2025

PHỤ LỤC
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng Người quản lý năm 2024
(Kèm theo Báo cáo số 266/BC-CTCP ngày 10/4/2025 của Công ty)

TT	Họ và tên	Vị trí, chức danh	Quỹ tiền lương, tiền lương tăng thêm, tiền thưởng (01 tháng)									Số đã nhận	Số còn lại phải trả	Số tháng đảm nhận vị trí
			Quỹ TL theo KH tháng (36 tr.đ)				TL tăng thêm	Thù lao	Quỹ thưởng (1,5 tháng)	Cộng	BQ/tháng			
			T01-T7/2024		T8-T12/2024									
1	2	3	HS	5	HS	6	7=(5+6)*20%	8	9	10=5+6+7+8+9	11=10/12	12	13=11-12	14
	Tổng cộng		**56,5**	**1.512.000.000**	**58,0**	**1.080.000.000**	**518.400.000**	**99.500.000**	**388.800.000**	**3.598.700.000**	35.281.373	**2.708.405.746**	**890.294.254**	
	NQL chuyên trách là NĐD vốn NN			***1.070.442.478***		***763.448.276***	***366.778.151***		***261.003.973***	***2.461.672.878***		***1.864.027.618***	***597.645.260***	
1	Chu Văn Đệ	Chủ tịch; Phó TGĐ	12	321.132.743	12	223.448.276	108.916.204		77.506.149	731.003.372	60.916.948	545.252.370	185.751.002	
2	Hoàng Sỹ Tâm	Tổng GĐ	11	294.371.681	11	204.827.586	99.839.854		71.047.303	670.086.424	55.840.535	504.400.660	165.685.765	
3	Hà Chí Khoa	Phó Tổng GĐ	9	240.849.558	9	167.586.207	81.687.153		58.129.612	548.252.529	45.687.711	418.231.709	130.020.820	
4	Lê Văn Nghĩa (02/8)	Phó Tổng GĐ	8	214.088.496	9	167.586.207	76.334.940		54.320.910	512.330.553	42.694.213	396.142.880	116.187.673	có 7T là KTT
	NQL chuyên trách không là NĐD vốn NN			***441.557.522***		***316.551.724***	***151.621.849***		***107.896.027***	***1.017.627.122***		***764.778.128***	***252.848.994***	
5	Phạm Văn Đông	Phó Tổng GĐ	9	240.849.558	9	167.586.207	81.687.153		58.129.612	548.252.529	45.687.711	409.514.236	138.738.293	
6	Ngô Thị Hoa (02/8)	Tp TCKT, KTT	7,5	200.707.965	8	148.965.517	69.934.696		49.766.415	469.374.593	39.114.549	355.263.892	114.110.701	có 7T là TBKS
	Người quản lý không chuyên trách							***99.500.000***	***19.900.000***	***119.400.000***		***79.600.000***	***39.800.000***	
7	Trưởng ban KS							27.500.000	5.500.000	33.000.000	2.750.000	22.000.000	11.000.000	
8	TV HĐQT 1 (Tiền thưởng tính theo LN tăng thêm)							36.000.000	7.200.000	43.200.000	3.600.000	28.800.000	14.400.000	
9	TV HĐQT 2 (Tiền thưởng tính theo LN tăng thêm)							36.000.000	7.200.000	43.200.000	3.600.000	28.800.000	14.400.000	